

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HC-ST

Ngày: 16-8-2025

V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định
cư khi thu hồi đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Tý.

2. Ông Kiều Văn Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang (cũ) nay là Tòa án nhân dân khu vực 11- thành phố Cần Thơ, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ công khai xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 15/2025/TLST-HC ngày 17 tháng 03 năm 2025 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-HC, ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa:

1. Người khởi kiện: Bà Dương Thị Châu T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang. Nay là phường L, thành phố Cần Thơ, (có mặt).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Cần Thơ, (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Trần Văn B - Chức vụ: Phó trưởng phòng kinh tế, hạ tầng và đô thị phường L, thành phố Cần Thơ, (xin vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tấn T1.

Địa chỉ: Khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang. Nay là khu vực 3, phường L, thành phố Cần Thơ, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người khởi kiện trình bày: Ngày 30/12/2023, Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) thị xã L thu hồi 405,0m², hết thửa đất số 170, loại đất trồng lúa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 02966 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho bà T để thực hiện dự án: Khu đô thị M, phường T.

Cùng ngày, Ủy ban nhân dân thị xã L ban hành Quyết định số 4814/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án: Khu đô thị M, phường T. Theo quyết định phê duyệt, bồi thường, hỗ trợ cho bà T với tổng số tiền bồi thường và hỗ trợ là 99.225.000 đồng.

Nhà nước thu hồi phần đất của của bà để phát triển khu đô thị, bà đồng ý. Nhưng phần bồi thường cho bà chưa thỏa đáng, theo Luật đất đai và việc bồi thường của các hộ lân cận thì bà sẽ được nhận thêm phần hỗ trợ chuyển đổi nghề vì hiện tại gia đình bà gồm 5 người: Bà là nhân viên hợp đồng theo Nghị định 111/NĐ-CP của trường THPT L, còn chồng bà là nhân viên bảo vệ hợp đồng thời vụ, thu nhập của vợ chồng bà thấp, con bà 17 tuổi nghỉ học hiện đang thất nghiệp, 2 con nhỏ đang đi học và chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cũng là duy nhất của gia đình bà.

Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Yêu cầu UBND thị xã L điều chỉnh hoặc bổ sung Quyết định 4814/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án: Khu đô thị M, phường T (viết tắt Quyết định 4814/QĐ-UBND), hỗ trợ thêm cho bà về phần chuyển đổi nghề.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Cần Thơ chưa có văn bản ký kiến đối với vụ án.

Tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Châu T về việc yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L là

người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã L điều chỉnh hoặc phê duyệt bổ sung Quyết định 4814/QĐ-UBND.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết.

Bà Dương Thị Châu T khởi kiện Quyết định số 4814/QĐ-UBND, yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã L điều chỉnh hoặc phê duyệt bổ sung đối với Quyết định 4814/QĐ-UBND nên xác định đây là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang nay là Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ theo quy định tại Điều 3 và Điều 30, Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Yêu cầu khởi kiện của bà T vẫn còn thời hiệu theo quy định tại Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

[1.3]. Tại phiên tòa, người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 157, 158 của Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Xét về tính hợp pháp của quyết định hành chính bị kiện.

[2.1]. Về thẩm quyền ban hành quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69 của Luật đất đai năm 2013, UBND thị xã L ban hành Quyết định số 4814/QĐ-UBND cho bà T là đúng thẩm quyền.

[2.2]. Về hình thức các quyết định:

Căn cứ vào Điều 28 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, UBND thị xã L, tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định số 4814/QĐ-UBND là đúng hình thức.

[2.3]. Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định:

Căn cứ vào Điều 67, Điều 69 của Luật đất đai năm 2013, Ủy ban nhân dân UBND thị xã L, tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định số 4814/QĐ-UBND là đúng trình tự, thủ tục.

[2.4]. Về nội dung quyết định:

[2.4.1]. Ngày 30/12/2023, Ủy ban nhân dân thị xã L ban hành Quyết định 4795/QĐ-UBND để thu hồi 405,0m², hết thửa đất số 170, loại đất trồng lúa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 02966 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho bà T để thực hiện dự án: Khu đô thị M, phường T.

Cùng ngày, Ủy ban nhân dân thị xã L ban hành Quyết định số 4814/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án: Khu đô thị M, phường T. Theo quyết định phê duyệt, bồi thường, hỗ trợ cho bà T với tổng số tiền bồi thường và hỗ trợ là 99.225.000 đồng, trong đó bồi thường về đất 95.175.000 đồng, về các khoản hỗ trợ khác như hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất để cải tạo đất trồng cây hàng năm sang đất trồng cây lâu năm trước ngày 04/02/2013 là 4.050.000 đồng.

Căn cứ Điều 83 Luật đất đai năm 2013 quy định, *“người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất ngoài việc được bồi thường theo quy định của Luật này còn được Nhà nước xem xét hỗ trợ”*, theo quy định tại khoản 2 Điều 83 Luật đất đai năm 2013, thì các khoản hỗ trợ gồm *“a. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; b. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp”*

Căn cứ Điều 20 Nghị Định 47/2014/NĐ-CP của Chính Phủ cũng quy định hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp theo quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 19 của Nghị định thì được hỗ trợ chuyển đổi nghề.

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT quy định chi tiết Nghị định 01/2017 của Chính phủ, tại khoản 2 Điều 3 quy định căn cứ xác định hộ gia đình sản xuất đất nông nghiệp là *“Đang sử dụng đất nông nghiệp do được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho”* và *“có ít nhất một thành viên của hộ gia đình không thuộc đối tượng hưởng lương thường xuyên, đối tượng đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, nghỉ thôi việc được hưởng trợ cấp xã hội”*.

[2.4.2]. Xét thấy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02966 thể hiện nguồn gốc đất được Nhà nước công nhận quyền sử dụng như giao đất, không thu tiền sử dụng đất mà không thể hiện phần đất được tặng cho riêng, thừa kế riêng cho bà T. Quá trình giải quyết và tài phiên tòa bà T, ông T1 đều xác định phần đất trên là tài sản chung của gia đình, vợ chồng bà T cùng quản lý, sử dụng phần đất trên. Gia đình bà T cũng chỉ có diện tích đất nông nghiệp trên là duy nhất. Do đó, xác định phần diện tích đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02966 là tài sản chung của hộ gia đình bà T là có căn cứ.

[2.4.3]. Mặc dù, bà T đang là nhân viên và ông T1 đang là bảo vệ của Trường trung học phổ thông L nhưng theo xác nhận của Nhà trường thì chỉ có một mình bà T được hưởng lương thường xuyên theo hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP của Chính Phủ, còn ông T1 không được hưởng lương thường xuyên vì chỉ hợp đồng thời vụ theo tháng, và Nhà trường có thể chấm dứt hợp đồng với ông T1 bất cứ lúc nào.

[2.4.4]. Từ đó, xác định hộ bà T thuộc trường hợp trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp. Ủy ban nhân dân thị xã L ban hành Quyết định 4814/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, không hỗ trợ chuyển đổi nghề cho hộ của bà T là chưa phù hợp với quy định của pháp luật, ảnh hưởng quyền lợi của hộ bà T.

[3]. Từ những cơ sở trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ chấp nhận. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[4]. Tuy nhiên, ngoài được hỗ trợ chuyển đổi nghề thì tại quy định của Điều 83 Luật đất đai 2013, Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP còn quy định hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất. Do đó, khi xem xét điều chỉnh hoặc phê duyệt bổ sung người bị kiện cần xem xét phê duyệt chính sách hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho hộ bà T theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Người bị kiện phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 30, 32, 116, 157, 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính 2015;

Điều 67, Điều 69 Luật đất đai năm 2013;

Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ T2 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/ND-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Châu T yêu cầu Tòa án giải quyết đối với Quyết định số 4814/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án: Khu đô thị M, phường T về hỗ trợ chuyển đổi nghề.

Ủy ban nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang có người kế thừa nhiệm vụ là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Cần Thơ có trách nhiệm thực hiện điều chỉnh hoặc phê duyệt bổ sung Quyết định số 4814/QĐ-UBND phần hỗ trợ chuyển đổi nghề cho bà T theo quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Người bị kiện phải chịu 300.000 đồng.

Bà Dương Thị Châu T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000016 ngày 17/3/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang nay là Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 16/8/2025. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thọ